

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2026
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
dưỡng con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Lê Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Dương Văn G, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Bà và ông Dương Văn G tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ vào ngày 13/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do

không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây cãi. Xét thấy việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn G.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Dương Văn G có 02 con chung là cháu Dương Hữu N (nam), sinh ngày 13/02/2011 và Dương Văn Hữu T2 (nam), sinh ngày 20/9/2017. Sau khi ly hôn, bà thống nhất giao cả 02 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định là không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 06/7/2026 ông Dương Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T, lý do vì ông còn thương vợ con nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là cháu Dương Hữu N (nam), sinh ngày 13/02/2011 và Dương Văn Hữu T2 (nam), sinh ngày 20/9/2017. Ông yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc xin ly hôn với ông Dương Văn G. Về con chung: Giao cháu Dương Hữu N (nam), sinh ngày 13/02/2011 và Dương Văn Hữu T2 (nam), sinh ngày 20/9/2017 cho ông Dương Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà T, ông G là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn G và yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dạy con chung nên xác định đây là loại kiện “tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông G tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T đã cương quyết ly hôn, ông G bản tự khai trình bày ý kiến là còn thương vợ nên không muốn ly hôn. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông G không đến Tòa để Tòa án tiến hành hòa giải giữa các bên, điều này chứng tỏ ông G không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa ông G và bà T đã thực sự trầm trọng. Thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Dương Văn G có 02 con chung là cháu Dương Hữu N (nam), sinh ngày 13/02/2011 và Dương Văn Hữu T2 (nam), sinh ngày 20/9/2017. Hiện tại, cháu Hữu N và cháu Hữu T2 đang sống ổn định cùng ông G. Bà T và ông G cũng thống nhất giao cháu Hữu N và cháu Hữu T2 cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao các cháu cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông G không yêu cầu bà T cấp dưỡng và bà T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Hữu N và cháu Hữu T2 các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông G xác định là không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Dương Văn G.

2. *Về con chung*: Giao cháu Dương Hữu N (nam), sinh ngày 13/02/2011 và Dương Văn Hữu T2 (nam), sinh ngày 20/9/2017 cho ông Dương Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị Thu T không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Dương Hữu N và cháu Dương Văn Hữu T2, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0011848 ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Thành,
thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thái Minh Ngọc